

DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ HỦY HỌC PHẦN DO KHÔNG ĐỦ SỐ LƯỢNG MỞ LỚP HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	Ghi chú
1	2331310308	Nguyễn Hoàng Mai Linh	08/10/2005	23ĐHQTVT	010100001606	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
2	2331310323	Âu Nguyễn Hoàng Thiên Kim	10/01/2005	23ĐHQTC2	010100001606	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
3	2331310362	Nguyễn Ngọc Linh	10/08/2005	23ĐHQTC3	010100001606	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
4	2331310505	Thái Bảo Ngọc	14/06/2005	23ĐHQTC3	010100001606	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
5	2331310508	Nguyễn Thị Quỳnh Như	20/05/2005	23ĐHQTC3	010100001606	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
6	2331310526	Phan Nguyễn Kiều Anh	01/11/2005	23ĐHQTC3	010100001606	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
7	2331540337	Võ Trung Kiên	24/07/2005	23ĐHTT06	010100001606	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
8	2331720033	Phạm Thị Ngọc Ánh	23/04/2005	23ĐHNA01	010100001606	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
9	2331720218	Phạm Võ Bảo Trân	13/05/2005	23ĐHNA04	010100001606	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
10	2331730063	Nguyễn Thị Kim Ngân	02/01/2005	23ĐHDL02	010100001606	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
11	2331730092	Lê Thị Châu Anh	20/09/2005	23ĐHDL02	010100001606	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
12	2331740054	Đỗ Phương Vy	20/12/2005	23ĐHKV01	010100001606	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
13	2331310018	Nguyễn Trung Kiên	17/04/2005	23ĐHQTVT	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
14	2331310139	Trần Vi Thảo Linh	06/06/2005	23ĐHQTVT	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
15	2331310162	Trần Gia Thiên Trường	18/09/2004	23ĐHQTVT	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
16	2331310296	Hoàng Thị Hà Vi	22/06/2004	23ĐHQTC3	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
17	2331320076	Kiều Nguyễn Tuấn Kiệt	17/02/2005	23ĐHNL02	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
18	2331320093	Hoàng Thanh Thảo	21/12/2005	23ĐHNL02	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
19	2331320108	Đỗ Ngọc Hân	22/09/2005	23ĐHNL02	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
20	2331320146	Đậu Thị Ngọc Mai	08/11/2005	23ĐHNL03	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
21	2331320172	Huỳnh Thị Ngọc Hương	10/01/2005	23ĐHNL03	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
22	2331510058	Lê Duy Anh	02/10/2005	23ĐHĐT01	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
23	2331520148	Yuos Piseth	10/02/2004	23ĐHKT03	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
24	2331520149	Nov Vatana	20/11/2003	23ĐHKT03	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
25	2331520151	Phorn Saravuth	27/12/2002	23ĐHKT03	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
26	2331540004	Nguyễn Minh Sang	25/07/2005	23ĐHTT01	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
27	2331540157	Huỳnh Ngọc Hân	15/10/2005	23ĐHTT03	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
28	2331540160	Lê Tường Vân	09/09/2005	23ĐHTT06	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
29	2331540229	Cao Thị Cẩm Vân	01/01/2005	23ĐHTT06	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
30	2331540236	Lê Anh Huy	31/12/2005	23ĐHTT05	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
31	2331540240	Hoàng Thị Mai Lan	27/04/2005	23ĐHTT05	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
32	2331540246	Nguyễn Thị Như Ngọc	25/05/2005	23ĐHTT05	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	Ghi chú
33	2331540252	Nguyễn Huỳnh Diễm Uyên	02/07/2005	23ĐHTT06	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
34	2331540267	Lê Hoàng Phúc	18/06/2004	23ĐHTT05	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
35	2331540288	Trịnh Minh Tuấn	31/10/2005	23ĐHTT06	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
36	2331540318	Nguyễn Thị Thuý Tiên	30/07/2005	23ĐHTT04	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
37	2331540320	Nguyễn Nhật Hương	01/07/2005	23ĐHTT05	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
38	2331540327	Kiều Ngọc Tú Anh	02/09/2005	23ĐHTT06	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
39	2331540329	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	26/04/2005	23ĐHTT06	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
40	2331540338	Lương Thị Thùy Hương	20/02/2005	23ĐHTT06	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
41	2331540340	Trần Thị Kim Hoa	03/02/2005	23ĐHTT06	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
42	2331710030	Nguyễn Thành Doanh	01/02/2005	23ĐHKL01	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
43	2331710060	Phạm Minh Anh	23/04/2005	23ĐHKL01	010100001616	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
44	2253410211	Đoàn Minh Triết	15/01/2004	22ĐHQTVT	010100012010	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	
45	2331310249	Nguyễn Thị Minh Thư	02/01/2005	23ĐHQTKQ	010100012010	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	
46	2331310407	Nguyễn Thị Ngọc Anh	20/12/2005	23ĐHQTVT	010100012010	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	
47	2331310471	Cao Thị Thanh Tâm	03/05/2005	23ĐHQTVT	010100012010	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	
48	2331310599	Phan Trần Cẩm Ly	08/03/2005	23ĐHQTKQ	010100012010	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	
49	2254810182	Trần Thanh Đạt	04/03/2004	22ĐHTT04	010100086801	Lập trình mạng	
50	2252210034	Trần Nguyên Phương	28/06/2004	22ĐHNATM	010100092203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
51	2331720433	Nguyễn Thị Trúc Quyên	02/06/2005	23ĐHNA03	010100092203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
52	2331720435	Nguyễn Huỳnh Như	14/03/2005	23ĐHNA03	010100092203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
53	2252210039	Nguyễn Vương	08/07/2004	22ĐHNATM	010100092205	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
54	2252210055	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	22/03/2004	22ĐHNATM	010100092205	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
55	2252210093	Nguyễn Thị Kim Hằng	15/09/2004	22ĐHNATM	010100092205	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
56	2152210028	Bành Trương Thủy Ngân	22/03/2003	21ĐHNAHK	010100092206	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
57	2252210087	Nguyễn Bình Thái Bảo	11/09/2004	22ĐHNAHK	010100092206	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
58	2252210160	Trần Lê Nhật Tâm	18/10/2004	22ĐHNATM	010100092206	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
59	2331720006	Trần Đặng Thùy Dung	23/06/2005	23ĐHNA01	010100092206	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
60	2331720171	Nguyễn Thị Hồng Tới	04/03/2005	23ĐHNA04	010100092206	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
61	2331720174	Phạm Ngọc Bảo Khanh	07/12/2005	23ĐHNA04	010100092206	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
62	2331720179	Chu Ngọc Yến Nhi	26/07/2005	23ĐHNA04	010100092206	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
63	2331720189	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngọc	16/02/2005	23ĐHNA04	010100092206	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
64	2331720211	Hoàng Hải Yến	20/10/2005	23ĐHNA04	010100092206	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
65	2331720220	Lê Thị Yến	06/03/2005	23ĐHNA04	010100092206	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
66	2331720269	Trần Thị Thùy Dương	07/06/2005	23ĐHNA05	010100092206	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
67	2331720425	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/07/2005	23ĐHNA01	010100092206	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	Ghi chú
68	2152210079	Võ Tuấn Kiệt		10/10/2003	21ĐHNATM	010100092207	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
69	2152210087	Trần Thị Ngọc Sáng		29/11/2003	21ĐHNAHK	010100092207	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
70	2331720004	Dư Trần Thủy Trúc		14/09/2005	23ĐHNA01	010100092207	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
71	2331720047	Nguyễn Thị Quỳnh Giao		18/02/2005	23ĐHNA01	010100092207	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
72	2331720395	Trần Vũ Yến Nhi		30/05/2005	23ĐHNA01	010100092207	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
73	2331720040	Lương Thị Thu Hiền		06/07/2005	23ĐHNA01	010100092208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
74	2252210163	Huỳnh Mỹ Bảo Thuận		12/06/2004	22ĐHNAHK	010100092210	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
75	2152210037	Huỳnh Lê Thùy Dương		03/11/2003	21ĐHNAHK	010100094202	Kỹ năng Thuật trình	
76	2152210050	Nguyễn Trúc Gia		30/09/2003	21ĐHNATM	010100094202	Kỹ năng Thuật trình	
77	2252210005	Trần Thị Thương		16/04/2004	22ĐHNAHK	010100094202	Kỹ năng Thuật trình	
78	2252210011	Lê Uyên Nhi		23/02/2004	22ĐHNAHK	010100094202	Kỹ năng Thuật trình	
79	2331510002	Hoàng Trung Anh		02/08/2001	23ĐHĐT01	010100111902	Tiếng Anh 3	
80	2331540223	Nguyễn Trọng Ngọc Sơn		24/12/2005	23ĐHTT04	010100111902	Tiếng Anh 3	
81	2051200030	Nguyễn Tấn Đô		14/09/2002	20ĐHKT01	010100111903	Tiếng Anh 3	
82	2105130018	Nguyễn Lê Đức Thọ		23/02/2003	21ĐHTĐ01	010100111903	Tiếng Anh 3	
83	2105130022	Hoàng Khắc Hưng		25/02/2002	21ĐHTĐ01	010100111903	Tiếng Anh 3	
84	2258420010	Trần Nguyễn Ngọc Hà		08/07/2004	22ĐHKL01	010100111903	Tiếng Anh 3	
85	2258420022	Trần Võ Bảo Ngọc		10/05/2004	22ĐHKL01	010100111903	Tiếng Anh 3	
86	2331320192	Nguyễn Minh Thư		14/02/2005	23ĐHNL04	010100111903	Tiếng Anh 3	
87	2331320198	Lê Thị Hồng Yến		27/01/2005	23ĐHNL04	010100111903	Tiếng Anh 3	
88	2331320202	Phan Khánh Đan		21/11/2005	23ĐHNL04	010100111903	Tiếng Anh 3	
89	2331320215	Võ Thị Xuân Trang		18/02/2004	23ĐHNL04	010100111903	Tiếng Anh 3	
90	2331540170	Trần Minh Quang		01/10/2005	23ĐHTT04	010100111903	Tiếng Anh 3	
91	2331540191	Nguyễn Hoàng Thiên Bảo		16/09/2005	23ĐHTT04	010100111903	Tiếng Anh 3	
92	2331540216	Võ Thành Nhân		05/08/2005	23ĐHTT04	010100111903	Tiếng Anh 3	
93	2331730024	Bùi Thị Mai Lợi		01/12/2005	23ĐHDL01	010100111903	Tiếng Anh 3	
94	2253440001	Phan Lê Kim Ngân		29/07/2004	22ĐHNL01	010100118503	Phân tích định lượng trong quản trị	
95	2331320053	Đỗ Duy Mạnh		14/08/2005	23ĐHNL01	010100118503	Phân tích định lượng trong quản trị	
96	2331320073	Nguyễn Hoàng Kim Bảo		01/10/2005	23ĐHNL04	010100118503	Phân tích định lượng trong quản trị	
97	2331320074	Nguyễn Thị Ngọc Vy		29/08/2005	23ĐHNL02	010100118503	Phân tích định lượng trong quản trị	
98	2331320086	Lê Trần Gia Linh		08/05/2005	23ĐHNL02	010100118503	Phân tích định lượng trong quản trị	
99	2331320154	Dương Thị Thu Trang		23/03/2005	23ĐHNL03	010100118503	Phân tích định lượng trong quản trị	
100	2231320309	Nguyễn Hồng Thảo Như		25/02/2004	22ĐHNL01	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
101	2331320001	Hồ Ngọc Thụy Vy		28/02/2005	23ĐHNL01	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
102	2331320018	Lê Nguyễn Minh Anh		21/01/2005	23ĐHNL01	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	Ghi chú
103	2331320020	Trần Huỳnh Nam Anh	24/09/2004	23ĐHNL04	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
104	2331320021	Phạm Hồng Ngọc	30/09/2005	23ĐHNL01	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
105	2331320042	Trần Thị Khánh Ly	19/09/2005	23ĐHNL04	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
106	2331320049	Nguyễn Anh Thư	01/03/2005	23ĐHNL04	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
107	2331320050	Nguyễn Lâm Anh	23/11/2004	23ĐHNL01	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
108	2331320086	Lê Trần Gia Linh	08/05/2005	23ĐHNL02	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
109	2331320117	Nguyễn Gia Huy	07/06/2005	23ĐHNL04	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
110	2331320142	Trịnh Lê Tuấn Anh	13/01/2005	23ĐHNL03	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
111	2331320146	Đậu Thị Ngọc Mai	08/11/2005	23ĐHNL03	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
112	2331320147	Nguyễn Mỹ Anh	19/12/2005	23ĐHNL03	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
113	2331320154	Dương Thị Thu Trang	23/03/2005	23ĐHNL03	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
114	2331320162	Huỳnh Gia Hân	16/07/2005	23ĐHNL03	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
115	2331320170	Phan Nữ Thục Đoan	10/07/2005	23ĐHNL03	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
116	2331320199	Lê Thị Vân Anh	19/07/2005	23ĐHNL04	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
117	2331320204	Phan Thị Hồng Ngọc	07/02/2005	23ĐHNL04	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
118	2331320207	Nguyễn Quang Trung	25/09/2004	23ĐHNL04	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
119	2331320209	Trương Hoàng Phổ	17/09/2005	23ĐHNL04	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
120	2331320212	Hà Công Nam	18/11/2004	23ĐHNL04	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
121	2331320214	Hoàng Thị Sinh	21/09/2005	23ĐHNL04	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
122	2331720346	Phạm Đình Mai Phương	21/09/2005	23ĐHNL01	010100137703	Quản trị quan hệ lao động	
123	2258130049	Trương Lý Bảo Nhi	23/06/2004	22ĐHDL01	010100138901	Văn hóa ẩm thực	
124	2250000063	Mai Vinh Hiệp	17/08/2004	22ĐHKVLQ	010100148401	Quản trị thu mua toàn cầu	
125	2250000072	Lý Gia Linh	18/11/2004	22ĐHKVLQ	010100148401	Quản trị thu mua toàn cầu	
126	2250000084	Nguyễn Thị Thanh Trúc	23/01/2004	22ĐHKVLĐ	010100148401	Quản trị thu mua toàn cầu	
127	2250000085	Ngô Thị Minh Trâm	31/03/2004	22ĐHKVLQ	010100148401	Quản trị thu mua toàn cầu	
128	2250000131	Nguyễn Tú Anh	26/08/2004	22ĐHKVLQ	010100148401	Quản trị thu mua toàn cầu	
129	2250000176	Trần Yến Vy	21/04/2003	22ĐHKVLQ	010100148401	Quản trị thu mua toàn cầu	
130	2250000014	Phan Nguyễn Ngọc Trinh	19/10/2004	22ĐHKVLQ	010100148801	Dịch vụ khách hàng	
131	2250000122	Nguyễn Phạm Minh Thuận	25/03/2004	22ĐHKVLQ	010100148801	Dịch vụ khách hàng	
132	2250000132	Võ Minh Huy	26/03/2004	22ĐHKVLQ	010100148801	Dịch vụ khách hàng	
133	2250000175	Nguyễn Ánh Trí	22/04/2004	22ĐHKVLQ	010100148801	Dịch vụ khách hàng	
134	2255130033	Nguyễn Thị Thúy Kiều	10/04/2004	22ĐHKVLQ	010100148801	Dịch vụ khách hàng	
135	2250000036	Nguyễn Lê Dung	12/02/2004	22ĐHKVLQ	010100148802	Dịch vụ khách hàng	
136	2250000077	Hồ Huyền Anh	13/07/2004	22ĐHKVLQ	010100148802	Dịch vụ khách hàng	
137	2250000101	Nguyễn Phạm Bích Ngọc	31/01/2004	22ĐHKVLQ	010100148802	Dịch vụ khách hàng	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	Ghi chú
138	2252210156	Nguyễn Như Quỳnh	07/09/2004	22ĐHKVLQ	010100148802	Dịch vụ khách hàng	
139	2255130104	Mai Phạm Bảo Long	17/02/2004	22ĐHKVLQ	010100148802	Dịch vụ khách hàng	
140	2250000112	Nguyễn Huỳnh Thiên Ân	08/11/2004	22ĐHKVKH	010100148901	Địa lý kinh tế vùng Đông Nam Á	
141	2255120066	Lê Nguyễn Minh Hoàng	12/08/2004	22ĐHKVKH	010100148901	Địa lý kinh tế vùng Đông Nam Á	
142	2250000008	Nguyễn Minh Triết	03/12/2004	22ĐHKVKH	010100148903	Địa lý kinh tế vùng Đông Nam Á	
143	2250000018	Vũ Minh Châu	25/08/2004	22ĐHKVLĐ	010100148903	Địa lý kinh tế vùng Đông Nam Á	
144	2250000029	Trịnh Thị Bích Ngọc	27/10/2003	22ĐHKVLQ	010100148903	Địa lý kinh tế vùng Đông Nam Á	
145	2250000048	Phạm Gia Khoa	06/09/2004	22ĐHKVKH	010100148903	Địa lý kinh tế vùng Đông Nam Á	
146	2250000086	Lê Tuyết Trinh	23/11/2003	22ĐHKVKH	010100148903	Địa lý kinh tế vùng Đông Nam Á	
147	2250000181	Đỗ Hoàng Nghi	09/03/2004	22ĐHKVKH	010100148903	Địa lý kinh tế vùng Đông Nam Á	
148	2250000189	Lê Thanh Sang	22/07/2004	22ĐHKVLQ	010100148903	Địa lý kinh tế vùng Đông Nam Á	
149	2250000014	Phan Nguyễn Ngọc Trinh	19/10/2004	22ĐHKVLQ	010100149301	E-Logistics	
150	2250000122	Nguyễn Phạm Minh Thuận	25/03/2004	22ĐHKVLQ	010100149301	E-Logistics	
151	2250000132	Võ Minh Huy	26/03/2004	22ĐHKVLQ	010100149301	E-Logistics	
152	2250000175	Nguyễn Ánh Trí	22/04/2004	22ĐHKVLQ	010100149301	E-Logistics	
153	2250000176	Trần Yến Vy	21/04/2003	22ĐHKVLQ	010100149301	E-Logistics	
154	2250000010	Nguyễn Thị Phương Anh	14/06/2004	22ĐHKVLQ	010100149302	E-Logistics	
155	2250000030	Ngô Nguyễn Minh Anh	28/06/2004	22ĐHKVLQ	010100149302	E-Logistics	
156	2250000097	Nguyễn Thị Ngọc Bình	13/01/2004	22ĐHKVLQ	010100149302	E-Logistics	
157	2250000179	Nguyễn Thị Như Thủy	29/11/2004	22ĐHKVLQ	010100149302	E-Logistics	
158	2331310013	Nguyễn Hoàng Tân	02/04/2005	23ĐHQTVT	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
159	2331310024	Phạm Thị Ngọc Nhiên	18/05/2005	23ĐHQTAN	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
160	2331310053	Đinh Thị Hồng Nhung	19/09/2005	23ĐHQTC1	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
161	2331310056	Lê Thị Ngọc Diễm	16/03/2005	23ĐHQTTTH	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
162	2331310079	Huỳnh Ngọc Huy An	11/01/2005	23ĐHQTC1	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
163	2331310082	Ngô Kim Ngân	29/07/2005	23ĐHQTKQ	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
164	2331310087	Nguyễn Kiều Chung	03/08/2005	23ĐHQTC1	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
165	2331310092	Quách Thị Thùy Linh	26/08/2005	23ĐHQTC1	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
166	2331310094	Nguyễn Ngọc Xuân Nghi	21/08/2005	23ĐHQTKQ	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
167	2331310104	Nguyễn Thiên Kim	17/06/2005	23ĐHQTC1	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
168	2331310139	Trần Vĩ Thảo Linh	06/06/2005	23ĐHQTVT	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
169	2331310151	Lưu Hằng Nga	23/03/2005	23ĐHQTC2	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
170	2331310162	Trần Gia Thiên Trường	18/09/2004	23ĐHQTVT	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
171	2331310179	Trần Phạm Thanh Vy	28/06/2005	23ĐHQTC2	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
172	2331310227	Ngô Phương Uyên	01/02/2003	23ĐHQTC2	010100149803	Quản trị đa văn hóa	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	Ghi chú
173	2331310321	Nguyễn Thị Hà Vy	27/04/2005	23ĐHQTKQ	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
174	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh Trâm	17/08/2005	23ĐHQTC3	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
175	2331310400	Nguyễn Minh Tiến	12/02/2005	23ĐHQTKQ	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
176	2331310435	Mai Ngọc Hân	24/07/2005	23ĐHQTC1	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
177	2331310491	Võ Hồ Thanh Duyên	17/09/2005	23ĐHQTC3	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
178	2331310533	Phan Thị Thanh Hằng	27/10/2005	23ĐHQTC2	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
179	2331310570	Huỳnh Thị Phương Thảo	18/06/2005	23ĐHQTKQ	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
180	2331310571	Nguyễn Phan Minh Hạnh	27/12/2005	23ĐHQTC2	010100149803	Quản trị đa văn hóa	
181	2334330018	Phan Thành Nam	29/05/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
182	2334330025	Nguyễn Lê Linh Chi	13/02/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
183	2334330028	Lê Ngọc Duy	04/09/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
184	2334330045	Trần Phương Thùy	13/11/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
185	2152210079	Võ Tuấn Kiệt	10/10/2003	21ĐHNATM	010100159203	Kỹ năng đàm phán (NNA)	
186	2252210039	Nguyễn Vương	08/07/2004	22ĐHNATM	010100159203	Kỹ năng đàm phán (NNA)	
187	2252210093	Nguyễn Thị Kim Hằng	15/09/2004	22ĐHNATM	010100159203	Kỹ năng đàm phán (NNA)	
188	2250000067	Hồ Minh Chí	29/10/2004	22ĐHKVLĐ	010100160401	Marine Container	
189	2250000084	Nguyễn Thị Thanh Trúc	23/01/2004	22ĐHKVLĐ	010100160401	Marine Container	
190	2250000087	Phạm Minh Thiên Tú	15/01/2004	22ĐHKVLĐ	010100160401	Marine Container	
191	2250000097	Nguyễn Thị Ngọc Bình	13/01/2004	22ĐHKVLQ	010100160401	Marine Container	
192	2250000127	Nguyễn Thị Kiều Ngân	07/10/2004	22ĐHKVLQ	010100160401	Marine Container	
193	2250000067	Hồ Minh Chí	29/10/2004	22ĐHKVLĐ	010100160901	Road & Rail transport	
194	2250000084	Nguyễn Thị Thanh Trúc	23/01/2004	22ĐHKVLĐ	010100160901	Road & Rail transport	
195	2250000087	Phạm Minh Thiên Tú	15/01/2004	22ĐHKVLĐ	010100160901	Road & Rail transport	
196	2250000067	Hồ Minh Chí	29/10/2004	22ĐHKVLĐ	010100161001	Multimodal Transport	
197	2250000084	Nguyễn Thị Thanh Trúc	23/01/2004	22ĐHKVLĐ	010100161001	Multimodal Transport	
198	2250000087	Phạm Minh Thiên Tú	15/01/2004	22ĐHKVLĐ	010100161001	Multimodal Transport	
199	2250000097	Nguyễn Thị Ngọc Bình	13/01/2004	22ĐHKVLQ	010100161001	Multimodal Transport	
200	2250000109	Nguyễn Hoàng Thanh Hồng	25/09/2004	22ĐHKVLQ	010100161001	Multimodal Transport	
201	2250000125	Nguyễn Cao Kỳ Uyên	03/12/2004	22ĐHKVLQ	010100161001	Multimodal Transport	
202	2250000127	Nguyễn Thị Kiều Ngân	07/10/2004	22ĐHKVLQ	010100161001	Multimodal Transport	
203	2250000135	Đặng Hoàng Anh Thư	14/04/2004	22ĐHKVLQ	010100161001	Multimodal Transport	
204	2332310002	Võ Mạnh Cường	13/05/2004	23ĐVQT01	010200010601	Marketing căn bản	
205	2332310004	Trần Lê Elvis Tuấn	26/05/1995	23ĐVQT01	010200010601	Marketing căn bản	
206	2332310005	Bồ Xuân Trường	09/08/1990	23ĐVQT01	010200010601	Marketing căn bản	
207	2332310006	Trần Nguyễn Anh Thư	13/12/2003	23ĐVQT01	010200010601	Marketing căn bản	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	Ghi chú
208	2332310011	Nguyễn Gia Quý	23/09/2003	23ĐVQT01	010200010601	Marketing căn bản	
209	2332310012	Nguyễn Ngọc Hà	11/12/1999	23ĐVQT01	010200010601	Marketing căn bản	
210	2332310002	Võ Mạnh Cường	13/05/2004	23ĐVQT01	010200055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	
211	2332310004	Trần Lê Elvis Tuấn	26/05/1995	23ĐVQT01	010200055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	
212	2332310006	Trần Nguyễn Anh Thư	13/12/2003	23ĐVQT01	010200055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	
213	2332310011	Nguyễn Gia Quý	23/09/2003	23ĐVQT01	010200055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	
214	2332310014	Phan Diễm My	10/10/2005	23ĐVQT01	010200055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	
215	2105120014	Nguyễn Mạnh Phi	26/01/2003	21ĐHTT01	010200109501	Tiếng Anh 2	
216	2105120046	Nguyễn Quang Trường	09/03/2003	21ĐHTT02	010200109501	Tiếng Anh 2	
217	2153412027	Giáp Lê Ngọc Hòa	06/11/2003	21ĐHQTVT	010200109501	Tiếng Anh 2	
218	2055200109	Nguyễn Quang Thái	31/12/2002	20ĐHKT01	010800071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	
219	2155200005	Nguyễn Quang Tuấn Anh	13/10/2003	21ĐHKT01	010800071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	
220	2155200006	Trần Duy Anh	13/05/2003	21ĐHKT01	010800071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	
221	2155200008	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	22/11/2003	21ĐHKT01	010800071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	
222	2155200020	Trần Sơn Huy	22/06/2003	21ĐHKT01	010800071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	
223	2155200022	Nguyễn Hoàng Duy Khang	16/06/2002	21ĐHKT01	010800071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	
224	2155200025	Ngô Văn Anh Khôi	17/12/2003	21ĐHKT01	010800071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	
225	2155200027	Ngô Hoàng Lâm	22/05/2003	21ĐHKT01	010800071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	
226	2155200030	Trương Tấn Lượng	20/03/2003	21ĐHKT01	010800071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	
227	2155200043	Nguyễn Thị Quyên	27/05/2003	21ĐHKT01	010800071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	
228	2155200049	Nguyễn Bình Thuận	14/03/2003	21ĐHKT01	010800071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	
229	2155200052	Trần Nguyên Tịnh	26/04/2003	21ĐHKT01	010800071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	
230	2155200054	Lê Thị Bích Trâm	31/07/2003	21ĐHKT01	010800071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	
231	2155200059	Dương Thị Lam Vy	21/10/2003	21ĐHKT01	010800071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	
232	2255200108	Hoàng Minh Thắng	13/12/2002	20ĐHKT01	010800071501	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	
233	2331310205	Nguyễn Diệu Linh	20/01/2005	23ĐHQTKQ	011100054806	Tổng quan về HKDD	
234	2331310318	Phan Thị Hạnh Nguyên	28/02/2005	23ĐHQTKQ	011100054806	Tổng quan về HKDD	
235	2331710005	Nguyễn Sơn Tùng	04/10/2005	23ĐHKL01	011100054806	Tổng quan về HKDD	
236	2331710019	Đỗ Vi An Hải	20/04/2005	23ĐHKL01	011100054806	Tổng quan về HKDD	
237	2331710022	Ngô Tuệ Thanh	28/03/2005	23ĐHKL03	011100054806	Tổng quan về HKDD	
238	2331710026	Nguyễn Diệp Thùy Giang	12/05/2005	23ĐHKL03	011100054806	Tổng quan về HKDD	
239	2331710032	Trần Quốc Huy	25/10/2005	23ĐHKL01	011100054806	Tổng quan về HKDD	
240	2331710036	Nguyễn Quốc Thương	08/09/2005	23ĐHKL01	011100054806	Tổng quan về HKDD	
241	2331710044	Phan Ngọc Trâm	30/05/2005	23ĐHKL01	011100054806	Tổng quan về HKDD	
242	2331710051	Đoàn Huỳnh Ngọc Thảo Duy	07/07/2003	23ĐHKL01	011100054806	Tổng quan về HKDD	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	Ghi chú
243	2331710071	Nguyễn Thị Phương	Thảo	29/08/2005	23ĐHKL03	011100054806	Tổng quan về HKDD	
244	2331710091	Ninh Giang	Huệ	08/11/2005	23ĐHKL03	011100054806	Tổng quan về HKDD	
245	2331710097	Phạm Thanh	Trưởng	13/12/2005	23ĐHKL02	011100054806	Tổng quan về HKDD	
246	2331710098	Trần Hùng	Nghĩa	07/11/2005	23ĐHKL02	011100054806	Tổng quan về HKDD	
247	2331710105	Lê Ngọc Huyền	Trân	20/12/2005	23ĐHKL02	011100054806	Tổng quan về HKDD	
248	2331710122	Nguyễn Thị Thu	Trang	05/09/2005	23ĐHKL03	011100054806	Tổng quan về HKDD	
249	2331710126	Trịnh Phương	Thảo	15/11/2005	23ĐHKL03	011100054806	Tổng quan về HKDD	
250	2331710127	Nguyễn Phúc Anh	Hào	23/12/2005	23ĐHKL03	011100054806	Tổng quan về HKDD	
251	2331710130	Koam	Somanika	20/05/2004	23ĐHKL03	011100054806	Tổng quan về HKDD	
252	2331710132	Seang	Soriya	20/08/2002	23ĐHKL03	011100054806	Tổng quan về HKDD	
253	2331710137	Phạm Thị Thùy	Anh	13/09/2005	23ĐHKL03	011100054806	Tổng quan về HKDD	
254	2331710144	Dương Thị Hoàng	Yến	19/04/2005	23ĐHKL03	011100054806	Tổng quan về HKDD	
255	2331710153	Trần Thị Ngọc	Mai	11/11/2005	23ĐHKL03	011100054806	Tổng quan về HKDD	
256	2331710154	Phan Thị Thảo	Vân	11/10/2005	23ĐHKL03	011100054806	Tổng quan về HKDD	
257	2331710155	Lâm Thanh	Trúc	28/02/2005	23ĐHKL03	011100054806	Tổng quan về HKDD	
258	2051200066	Nguyễn Đăng Duy	Ân	14/08/2002	20ĐHKT01	011100070201	Chi tiết máy	
259	2155200017	Ngô Thanh	Hoàng	14/10/2003	21ĐHKT01	011100070201	Chi tiết máy	
260	2155200021	Nguyễn Đình	Khải	11/10/2003	21ĐHKT01	011100070201	Chi tiết máy	
261	2155200023	Lê Anh	Khôi	10/07/2003	21ĐHKT01	011100070201	Chi tiết máy	
262	2255200017	Ngô Hà Thùy	Dương	07/01/2003	22ĐHKT01	011100070201	Chi tiết máy	
263	2255200020	Huỳnh Thanh Chí	Bảo	12/02/2004	22ĐHKT01	011100070201	Chi tiết máy	
264	2331520143	Mai Hồ Minh	Đức	08/06/2004	23ĐHKT03	011100070201	Chi tiết máy	
265	2331540178	Phạm Hưng	Trường	07/12/2005	23ĐHKT01	011100070201	Chi tiết máy	
266	2331520156	Hồ Công	Danh	29/03/2005	23ĐHKT03	011100070202	Chi tiết máy	
267	2331520058	Trần Quốc	Bảo	25/11/2005	23ĐHKT01	011100070203	Chi tiết máy	
268	2331520067	Ngô Văn	Huy	15/11/2005	23ĐHKT02	011100070203	Chi tiết máy	
269	2331520122	Hoàng Tiến	Tuấn	27/01/2005	23ĐHKT03	011100070203	Chi tiết máy	
270	2331520131	Hồ Phan Minh	Tuấn	04/12/2004	23ĐHKT03	011100070203	Chi tiết máy	
271	2331520150	Mao	Lyhour	27/03/2003	23ĐHKT03	011100070203	Chi tiết máy	
272	2255130010	Lâm Nhật	Huy	23/02/2004	22ĐHTĐ01	011100088401	IOT(Internet Of Things)	
273	2255130015	Đoàn Dương	Luân	08/12/2004	22ĐHTĐ01	011100088401	IOT(Internet Of Things)	
274	2255130102	Nguyễn Thái	Son	20/07/2004	22ĐHTĐ01	011100088401	IOT(Internet Of Things)	
275	2331530013	Nguyễn Trần Hoàng	Thiện	25/02/2003	23ĐHTĐ01	011100088401	IOT(Internet Of Things)	
276	2331520148	Yuos	Piseth	10/02/2004	23ĐHKT03	011100111902	Tiếng Anh 3	
277	2331520149	Nov	Vatana	20/11/2003	23ĐHKT03	011100111902	Tiếng Anh 3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	Ghi chú
278	2331520151	Phorn	Saravuth	27/12/2002	23ĐHKT03	011100111902	Tiếng Anh 3	
279	2331730109	Ngô Quang	Thắng	09/07/2005	23ĐHDL02	011100111902	Tiếng Anh 3	
280	2331730119	Đỗ Quốc	Việt	29/10/2005	23ĐHDL02	011100111902	Tiếng Anh 3	
281	2331710015	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	20/11/2005	23ĐHKL01	011100142403	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	
282	2331710036	Nguyễn Quốc	Thường	08/09/2005	23ĐHKL01	011100142403	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	
283	2331710050	Trần Bình	Phương	19/08/2005	23ĐHKL01	011100142403	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	
284	2331710051	Đoàn Huỳnh Ngọc Thảo	Duy	07/07/2003	23ĐHKL01	011100142403	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	
285	2331710055	Vũ Minh	Nhật	04/09/2005	23ĐHKL03	011100142403	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	
286	2331710060	Phạm Minh	Anh	23/04/2005	23ĐHKL01	011100142403	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	
287	2331710077	Nguyễn Thị Thu	Thảo	02/05/2005	23ĐHKL02	011100142403	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	
288	2331710082	Đặng Thị Thanh	Tuyền	19/11/2005	23ĐHKL02	011100142403	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	
289	2331710097	Phạm Thanh	Trưởng	13/12/2005	23ĐHKL02	011100142403	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	
290	2331710114	Nguyễn Ngọc	Saphidan	26/08/2005	23ĐHKL02	011100142403	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	
291	2331710124	Mai Đình	Khôi	02/01/2005	23ĐHKL03	011100142403	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	
292	2331710126	Trịnh Phương	Thảo	15/11/2005	23ĐHKL03	011100142403	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	
293	2331710134	Lê Minh	Hùng	14/09/2005	23ĐHKL03	011100142403	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	
294	2331710140	Lê Thị Thu	Ngân	17/03/2005	23ĐHKL03	011100142403	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	
295	2331710141	Lý Quang	Nhật	17/10/2005	23ĐHKL03	011100142403	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	
296	2331710148	Bùi Thị Phi	Nhi	28/07/2005	23ĐHKL03	011100142403	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	
297	2331710149	Đỗ Thái	My	07/02/2005	23ĐHKL03	011100142403	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	